

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2014/QĐ -UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 317/TTr-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014, về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Văn bản thẩm định số 369/TP-XDVB ngày 21 tháng 8 năm 2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

- Quyết định này thay thế các quyết định:

+ Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

+ Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung quy định kèm theo Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Dương Ngọc Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) và Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014, của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT), được thực hiện như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng 30% mức bồi thường đất nông nghiệp theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

2. Đối với đất phi nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng mức bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1 theo giá trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

Điều 4. Diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở

Phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Phần diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Phần diện tích đất ở còn lại không đảm bảo hình thể, kích thước theo quy chuẩn của pháp luật về xây dựng.

3. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ liền kề để hợp thửa; trường hợp hộ gia đình cá nhân có đề nghị thì thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường theo quy định đồng thời với phần diện tích phải thu hồi để thực hiện dự án.

Điều 5. Mức đất ở, nhà ở tái định cư trong trường hợp hộ gia đình bị thu hồi đất có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng chung sống hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất

Việc quy định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư tại địa phương xem xét giao đất ở, nhà ở cho từng hộ gia đình, nhưng tổng diện tích đất ở tái định cư được giao so với diện tích đất ở bị thu hồi không vượt quá diện tích một suất đất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 23 Quy định này và phải đảm bảo nguyên tắc giao đất tái định cư quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy định này.

2. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở, nhà ở tại nơi tái định cư phải nộp tiền theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Giao đất ở đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở

Việc giao đất ở đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 7. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng thì được bồi thường về đất, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 8. Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm

Việc giao đất ở đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở mà đất đang sử dụng có nguồn gốc do lấn, chiếm quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

$$\text{Mức bồi thường} = \text{Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại} + (\text{Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại}) \times 60\%$$

Mức bồi thường không thấp hơn 60% và không vượt quá 100% giá trị xây mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà công trình bị thiệt hại.

- Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

- Thời gian khấu hao áp dụng làm căn cứ xác định giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được quy định như sau:

+ 08 năm đối với nhà tạm, vật kiến trúc,

+ 20 năm đối với nhà một tầng mái ngói hoặc mái tôn (không áp dụng cho nhà xưởng và kho thông dụng quy định tại bảng suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố) tường bao quanh xây gạch chiều cao lớn hơn 3m (không tính chiều cao tường thu hồi),

+ 30 năm đối với nhà 1 tầng mái bằng bê tông cốt thép hoặc mái bằng bê tông cốt thép trên lợp tôn, lợp ngói,

+ 30 năm đối với nhà xưởng và kho thông dụng quy định tại bảng suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố,

+ 50 năm đối với nhà 2 – 3 tầng tường xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép hoặc mái bằng bê tông cốt thép trên lợp tôn, lợp ngói,

+ 60 năm đối với nhà 4 - 5 tầng trở lên.

2. Đối với nhà, công trình phá dỡ một phần thì thực hiện như sau:

a) Đối với nhà xây một tầng lợp mái, nhà tạm để ở và phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần tường hoặc cột chịu lực của nhà đó thì tính bồi thường theo quy định cho phần bị phá dỡ, phần diện tích còn lại của nhà đó được hỗ trợ bằng mức bồi thường; không tính hỗ trợ nhà, công trình khác tiếp theo;

b) Đối với nhà xây một tầng mái bằng bê tông cốt thép, nhà xây từ hai tầng trở

lên, nhà để sản xuất kinh doanh bị phá dỡ một phần diện tích nhà, phần bị phá dỡ tường hoặc cột chịu lực thì tính bồi thường theo quy định cho phần diện tích bị phá dỡ, phần diện tích nhà còn lại được hỗ trợ như sau:

- Phần nhà còn lại tiếp theo (tính từ cọc GPMB trở vào) có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 10m thì toàn bộ diện tích còn lại được hỗ trợ bằng mức bồi thường; không tính hỗ trợ nhà, công trình tiếp theo;

- Phần nhà còn lại tiếp theo (tính từ cọc GPMB trở vào) có kích thước lớn hơn 10m thì chỉ tính hỗ trợ đủ 10m của nhà đó bằng mức bồi thường.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành; nhà, công trình khác biệt chưa có trong đơn giá bồi thường thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào hồ sơ hoàn công, thông qua cơ quan tư vấn lập dự toán theo giá vật liệu đến hiện trường xây lắp và cơ cấu dự toán xây lắp tại thời điểm, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp vào dự toán bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp không còn hồ sơ hoàn công, thì căn cứ vào hiện trạng công trình, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua cơ quan tư vấn lập, thẩm tra dự toán công trình và tổng hợp dự toán bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Nhà tạm, công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp, kể cả trên đất nông nghiệp tạm giao, cho thuê, đấu thầu được Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép bằng văn bản thì được bồi thường theo quy định.

5. Đơn giá bồi thường nhà và các công trình khác gắn liền với đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tài sản nhà, vật kiến trúc, cây cối khi đã trả tiền bồi thường thì vật liệu thu hồi được xử lý như sau:

a) Tài sản nhà, vật kiến trúc, cây cối thuộc sở hữu Nhà nước (Ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước đầu tư) thì vật liệu thu hồi thuộc chủ đầu tư. Giá trị vật liệu thu hồi được giảm trừ trong kinh phí bồi thường của dự án.

b) Tài sản nhà, vật kiến trúc, cây cối không thuộc điểm a khoản này thì vật liệu thu hồi thuộc về đối tượng được bồi thường.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (sau đây gọi là Nghị định số 14/2014/NĐ-CP):

a) Đối với đất ở, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được bồi thường một lần bằng 80% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang;

b) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75, Khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai thì được bồi thường một lần bằng 30% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

2. Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Nhà một tầng lợp mái, nhà tạm, công trình phụ phục vụ sinh hoạt mức bồi thường bằng 70% so với quy định đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

b) Nhà mái bằng đổ bê tông cốt thép và vật kiến trúc khác mức bồi thường bằng 50% so với quy định đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

c) Nhà, công trình bị hành lang lưới điện cao áp chiếm dụng từ 70% trở lên thì tính bồi thường theo mức quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này cho toàn bộ nhà, công trình.

Khi đã bồi thường, người có tài sản phải có biện pháp xử lý an toàn khi sử dụng. Nếu chủ dự án thấy việc xử lý an toàn không thể thực hiện được thì bồi thường theo quy định để người có tài sản di chuyển ra khỏi phạm vi hành lang bảo vệ an toàn.

3. Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ. Mức hỗ trợ được thực hiện một (01) lần bằng 70% mức bồi thường quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi xây dựng các công trình có hành lang bảo vệ khác: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy định của chính sách pháp luật chuyên ngành hiện hành, báo cáo, đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể.

Điều 11. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước

Việc bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép;

2. Đối với các hạng mục tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trong phạm vi diện tích nhà ở được thuê theo hợp đồng thì được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá bồi thường tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Xây dựng tại thời điểm bồi thường.

Điều 12. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trường hợp có văn bản thống nhất việc phân chia tiền bồi thường về đất, được các đối tượng đồng quyền sử dụng đất ký tên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận thì chi trả tiền bồi thường về đất theo văn bản đó.

2. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất không thống nhất được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi số tiền bồi thường về đất vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước và hướng dẫn những người đồng quyền sử dụng đất gửi đơn đến Tòa án giải quyết theo quy định. Căn cứ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả tiền bồi thường đất cho những người đang đồng quyền sử dụng đất.

Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, những người đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 13. Bồi thường về di chuyển mồ mả

Việc bồi thường về di chuyển mồ mả quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Người có mồ mả phải di chuyển được bố trí đất để di chuyển đến nghĩa trang, nghĩa địa tập trung; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với chính quyền địa phương bố trí đất tại các nghĩa trang, nghĩa địa để di chuyển mộ phù hợp với quy hoạch.

2. Người có mồ mả phải di chuyển được bồi thường chi phí đào, bốc, xây dựng mới như quy mô ban đầu theo đơn giá bồi thường tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Xây dựng.

3. Người có mồ mả phải di chuyển được bồi thường chi phí di chuyển mồ mả và các chi phí hợp lý có liên quan khác như sau:

a) Trường hợp người có mồ mả tự di chuyển:

- Di chuyển trong tỉnh: 3.000.000 đồng/ngôi

- Di chuyển ngoài tỉnh: 4.000.000 đồng/ngôi

b) Trường hợp mồ mả không có người nhận thì giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện việc di chuyển. Mức bồi thường di chuyển là: 2.000.000 đồng/ngôi.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự lo địa điểm di chuyển mồ mã thì ngoài khoản bồi thường quy định tại Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều này còn được hỗ trợ tiền tự lo địa điểm di chuyển là 3.000.000 đồng/ngôi.

Điều 14. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản

Việc bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì tính bồi thường theo quy định; không bồi thường, không hỗ trợ cho vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch.

2. Giá bồi thường cây trồng và vật nuôi là thủy sản theo bảng giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành.

Điều 15. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

Việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 91 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển như sau:

- a) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 3.500.000 đồng/hộ;
- b) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh: 5.000.000 đồng/hộ;
- c) Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh: 7.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ một phần nhà, công trình nhưng không phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển tài sản, mức 1.500.000 đồng/hộ.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp (có đăng ký kinh doanh) khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh (nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập, hoặc thuê tư vấn lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, thiệt hại (nếu có) để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 16. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Việc hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 12 tháng.

b) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

c) Trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

d) Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b, c Khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;

đ) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ do Sở Tài chính công bố.

2. Hỗ trợ ổn định sản xuất:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ

thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ là: 2.000.000 đồng/ hộ;

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ 2.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi;

b) Đối với đất lâm nghiệp (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ): Hỗ trợ 1.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Đối tượng được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một năm đến ba năm.

Mức trợ cấp ngừng việc trong một (01) tháng được tính bằng (=) 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

Thời gian trợ cấp ngừng việc là 06 tháng và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

5. Trường hợp hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất

nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo mức quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Khoản 2 Điều 84 Luật Đất đai và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ bằng tiền.

Mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai;

2. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

a) Căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động có đất thu hồi;

b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất;

3. Trường hợp hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất

nông nghiệp của hộ gia đình đó mà được bồi thường bằng tiền thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Khoản 2 Điều 84 Luật Đất đai và Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 05 tháng lương cơ sở đối với một nhân khẩu còn trong độ tuổi lao động, có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm thu hồi đất. Mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 19. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Việc hỗ trợ tái định cư quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 23 Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà tự lo chỗ ở (không nhận đất ở tại khu tái định cư) thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng: 100.000.000 đồng/hộ.

3. Các hộ phải di chuyển chỗ ở đến khu tái định cư, Nhà nước không thu lệ phí địa chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu tái định cư, không thu lệ phí cấp phép xây dựng và các khoản lệ phí liên quan đến xây dựng nhà ở tại khu tái định cư.

Điều 20. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Việc Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản cho hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Mức hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường chi phí di chuyển quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quy định này.

2. Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có hợp đồng thuê nhà ở được ký trước thời điểm thông báo thu hồi đất, tại thời điểm thu hồi đất còn thời hạn thuê nhà;

b) Người thuê nhà ở đã thực hiện đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) theo quy định của pháp luật trước thời điểm thông báo thu hồi đất.

Điều 21. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn theo Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng mức bồi thường theo giá đất nông nghiệp trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê, nhận đấu thầu sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường theo giá đất nông nghiệp trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuê, đấu thầu theo quy định này được trích từ số tiền hỗ trợ cho ngân sách Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Các khoản hỗ trợ khác

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, nếu diện tích vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất mà vượt hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai thì đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp

a) Đối với nhà, công trình xây dựng trước 15/10/1993 nhưng trái mục đích sử dụng đất hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, mức hỗ trợ như sau:

- Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường;
- Nhà xây mái bằng và các công trình khác hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;

b) Đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 nhưng trái mục đích sử dụng đất hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau:

- Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;
- Nhà xây mái bằng và các công trình khác hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường;

c) Hỗ trợ bằng 25% mức bồi thường theo quy định đối với nhà, công trình xây dựng trước ngày 01/7/2014 và không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này;

d) Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp được xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ.

3. Nhà, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hợp pháp không bị thu hồi đất, không bị phá dỡ (trước khi thực hiện dự án nhà, công trình vẫn đang được sử dụng bình thường) nhưng do thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến cốt nhà, công trình thì được xem xét hỗ trợ để khắc phục phần ảnh hưởng như sau:

a) Cốt đường, công trình của Nhà nước cao hơn cốt nền nhà từ 0,5 m đến dưới 0,75 m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng. Mức hỗ trợ như sau:

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình (vía hè, rãnh thoát nước) nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình (vía hè, rãnh thoát nước) từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường.

b) Cốt đường, công trình của Nhà nước cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 0,75m đến 1,5m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng. Mức hỗ trợ như sau:

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường.

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường.

c) Cốt đường, công trình của Nhà nước cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 1,5m đến 2,5m, được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng. Mức hỗ trợ như sau:

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường.

- Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.

d) Cốt đường, công trình của Nhà nước cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà trên 2,5m thì diện tích nhà đó được hỗ trợ theo đơn giá bồi thường cho khoảng cách quy định tại Điểm đ Khoản này;

đ) Khoảng cách nhà cách mép công trình của dự án không quá 5,0m thì mới thực hiện hỗ trợ theo điểm a, b, c, d Khoản này.

4. Tài sản là bê tông sân đường, rãnh cống dọc, ngang, cây xanh trên hành lang giao thông do nhân dân tự làm để sạch đẹp đường phố khi mở đường, dự án không làm lại phần việc này thì hỗ trợ bằng mức bồi thường; trường hợp dự án làm lại phần việc này thì không bồi thường, hỗ trợ.

5. Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh:

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã phường, thị trấn nơi có đất thu hồi; Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất trong hành lang an toàn, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở.

Mức hỗ trợ thuê nhà ở là 400.000đ/khâu/tháng; hộ độc thân là 700.000đ/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp di chuyển trước khi được giao đất tái định cư (theo yêu cầu của Dự án và có sự đồng ý của hộ gia đình, cá nhân) thì thời gian hỗ trợ được tính từ khi di chuyển đến khi được giao đất tái định cư tại thực địa cộng thêm 06 tháng để ổn định nơi ở mới.

- Trường hợp di chuyển sau khi được giao đất tái định cư tại thực địa, nhưng thời gian di chuyển chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được giao đất tái định cư tại thực địa, hoặc hộ gia đình, cá nhân tự lo tái định cư thì thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

b) Hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh, làm việc đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (có đăng ký kinh doanh và đang hoạt động): Mức hỗ trợ là 20.000 đồng/m²/tháng tính theo mét vuông (m²) xây dựng nhà làm việc hoặc xưởng sản xuất bị phá dỡ, thời gian hỗ trợ là 6 tháng .

6. Hỗ trợ gia đình chính sách:

a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước 01/01/ 1945; người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng, phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ;

b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương, bệnh binh mất sức từ 21%- 80%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81 % ; gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ gia đình có người thuộc diện được hưởng trợ cấp, xã hội khác của Nhà nước phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ;

d) Trong hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách xã hội thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

7. Hỗ trợ hộ nghèo:

Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ thì được hỗ trợ bằng tiền một lần để vươn lên thoát nghèo. Mức hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 84 tháng; quy định này áp dụng cho cả trường hợp hộ gia đình vừa phải di chuyển chỗ ở vừa có đất nông nghiệp thu hồi;

b) Hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi mà không phải di chuyển chỗ ở:

- Diện tích thu hồi dưới 30% nhưng tối thiểu phải từ 50m² trở lên thì thời gian hỗ trợ 36 tháng.

- Diện tích thu hồi từ 30% đến 50% thì thời gian hỗ trợ 48 tháng.
- Diện tích thu hồi từ trên 50% đến 70% thì thời gian hỗ trợ 60 tháng .
- Diện tích thu hồi từ trên 70% thì thời gian hỗ trợ 72 tháng .

c) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a và b Khoản này là: 200.000 đồng/khâu/tháng.

8. Thương bàn giao mặt bằng trước thời hạn:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thông báo thời hạn di chuyển, bàn giao mặt bằng để tính thưởng, mức thưởng cụ thể như sau:

a) Đối với đất nông nghiệp có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định, khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sử dụng đất bàn giao mặt bằng trước thời hạn thì được thưởng như sau:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: 2.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi;

- Đối với đất lâm nghiệp (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ): 1.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi.

b) Đối với đất ở của hộ gia đình, cá nhân:

- Trường hợp phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình và phải di chuyển chỗ ở mà chủ sử dụng đất bàn giao mặt bằng trước thời hạn thì được thưởng như sau:

+ Đối với nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái: 5.000.000 đồng/hộ;

+ Đối với nhà xây mái bằng, kiên cố: 7.000.000 đồng/hộ.

- Trường hợp phải phá dỡ một phần nhà ở (không phải di chuyển chỗ ở) mà chủ sử dụng đất bàn giao mặt bằng trước thời hạn thì được thưởng như sau:

+ Đối với nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái: 2.500.000 đồng/hộ;

+ Đối với nhà xây mái bằng, kiên cố: 3.500.000 đồng/hộ.

9. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 của Điều này, trong trường hợp cụ thể, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ khác để đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất, giải quyết khó khăn về chỗ ở cho người có đất thu hồi.

Điều 23. Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở

1. Suất tái định cư tối thiểu:

Suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 4, Điều 86 Luật Đất đai và Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên bằng đất ở như sau :

- a) Khu vực đô thị: diện tích tối thiểu là 40 m²;
- b) Khu vực xã Trung du, diện tích tối thiểu là: 60m²;
- c) Khu vực xã miền núi, diện tích tối thiểu là 70m².

Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định bằng (=) diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân (x) với giá đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại vị trí bố trí tái định cư.

2. Nguyên tắc bố trí tái định cư:

a) Nhà ở, đất ở trong khu tái định cư được bố trí theo nhiều cấp nhà, nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với các mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư;

b) Người có đất thu hồi được bố trí tái định cư tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có dự án tái định cư hoặc có điều kiện bố trí tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có đất thu hồi sớm bàn giao mặt bằng, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng;

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở, thuộc diện tái định cư mà diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích một ô đất ở theo quy hoạch tại nơi tái định cư thì được bố trí một (01) ô đất quy hoạch và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Chương IV

QUY TRÌNH THỦ TỤC

THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 24. Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất:

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (Sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có đất thu hồi, căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch thu hồi đất để thực

hiện của dự án, có trách nhiệm tổ chức điều tra thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp, đề xuất phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của từng dự án, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức xác định, thẩm định giá đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai và Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

2. Xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại các khu quy hoạch tái định cư:

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy hoạch chi tiết 1/500 của khu tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các số liệu về chi phí đầu tư hạ tầng khu dân cư; thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai, giá đất phổ biến trên thị trường, đề xuất phương án giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất tại khu quy hoạch tái định cư, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức xác định, thẩm định giá đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 3 Điều 86 và Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai; Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

Điều 25. Thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất quy định tại Khoản 1 Điều 66 của Luật Đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 66 của Luật Đất đai.

Điều 26. Trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Thực hiện theo Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

2. Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện (sau đây gọi là Hội đồng bồi thường) và tổ công tác đối với trường hợp nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng được giao cho Hội đồng bồi thường thực hiện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thành lập Hội đồng bồi thường để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của từng dự án trên địa bàn. Thành phần Hội đồng bồi thường gồm:

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng;
- Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường: Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Lãnh đạo phòng Tài chính kế hoạch: Ủy viên;
- Lãnh đạo phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Quản lý đô thị: Ủy viên;
- Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ủy viên
- Lãnh đạo Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội: Ủy viên;
- Lãnh đạo Chi cục Thuế: Ủy viên;

- Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thuộc phạm vi dự án: Ủy viên;

- Đại diện cho lợi ích hợp pháp của những người có đất thuộc phạm vi dự án (từ 1 đến 2 người) do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thuộc phạm vi dự án giới thiệu tham gia;

- Một số thành viên khác do chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

Hội đồng bồi thường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số và theo quy định của pháp luật; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

b) Tổ công tác giúp việc (do Hội đồng bồi thường quyết định thành lập) có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng bồi thường lập và trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp theo phân công của Hội đồng bồi thường.

3. Thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

a) Thông báo thu hồi đất:

UBND cấp có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

b) Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Sau khi có thông báo thu hồi đất, Ủy ban nhân dân cấp xã và người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc điều tra, khảo sát, thống kê, kiểm đếm được lập thành biên bản hoặc biểu kê có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham gia, chữ ký của người có đất và tài sản trong phạm vi thu hồi (hoặc người được uỷ quyền theo quy định của pháp luật) có đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; số liệu trong biên bản hoặc biểu kê không được sửa chữa tẩy xóa.

Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất vẫn không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai;

c) Xác nhận các hồ sơ liên quan:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận các nội dung:

+ Tình trạng tranh chấp, nguồn gốc, quá trình, thời điểm sử dụng đất đối với trường hợp người đang sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận;

+ Tính hợp pháp, thời điểm và quá trình hình thành của tài sản gắn liền với đất;

+ Xác nhận đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất nông nghiệp thu hồi quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; số nhân khẩu trong độ tuổi lao động (đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp, thu hồi đất ở kết hợp với kinh doanh có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, học nghề và tìm kiếm việc làm);

+ Xác nhận đối tượng hộ nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Khoản 7 Điều 22 Quy định này.

- Công an cấp xã xác nhận về nhân khẩu thường trú của từng hộ.

- Cơ quan thuế (Cục thuế hoặc Chi cục thuế trực tiếp quản lý) có trách nhiệm xác nhận về thu nhập sau thuế làm căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Quy định này.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện xác nhận đối tượng chính sách được hưởng hỗ trợ.

Việc xác nhận trên là cơ sở lập phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; người được giao nhiệm vụ xác nhận phải trung thực, khách quan và phải ký tên đóng dấu, chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận của mình.

4. Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Việc lập, lấy ý kiến và hoàn chỉnh Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai và Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

b) Thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Sau khi hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi hồ sơ trình thẩm định phương án bồi thường đến cơ quan tài nguyên môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp tỉnh phê duyệt phương án; Phòng tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp huyện phê duyệt phương án). Hồ sơ trình thẩm định nộp tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường ba (03) bộ, gồm:

- Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền;
- Bản đồ trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất bị thu hồi;
- Biên bản hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Văn bản tổng hợp ý kiến đóng góp của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng; các biên bản tổ chức đối thoại (nếu có);
- Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai theo mẫu quy định có chữ ký của các thành viên tham gia, chữ ký của người có đất và tài sản trong phạm vi thu hồi (hoặc người được uỷ quyền theo quy định của pháp luật) có đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, các biên bản, biểu kê được sắp xếp theo thứ tự phương án dự toán bồi thường, có phô tô công chứng hoặc chứng thực các loại giấy tờ nhà đất có liên quan. Trường hợp các hộ chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có tường trình của người sử dụng đất và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; các giấy tờ khác có liên quan (nếu có);

- Các bản xác nhận quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo các phụ lục tính toán chi tiết, biểu tổng hợp, biểu thuyết minh tính toán bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản, các khoản hỗ trợ theo quy định; bản số Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ảnh (hoặc băng hình) hiện trạng khu vực đất thu hồi (nếu có);

- Phương án đào tạo chuyển đổi nghề theo quy định tại Khoản 3 Điều 20, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (nếu có).

Cơ quan tài nguyên môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (thuộc chuyên môn ngành nào thì ngành đó thẩm định) thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với dự án lớn và phức tạp thì thời gian thẩm định có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Biên bản thẩm định phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham gia thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được lưu trữ tại cơ quan chủ trì thẩm định.

5. Quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi; gửi Thông báo về thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

Điều 27. Quy định về bàn giao đất

1. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

2. Người có đất thu hồi có nghĩa vụ nộp Giấy chứng nhận đã cấp trước khi được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đất đai. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu Giấy chứng nhận đã cấp chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hoặc thu hồi theo quy định.

3. Sau khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 93 của Luật Đất đai, thì người có đất thu hồi phải thực hiện bàn giao đất theo đúng thời hạn cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Việc bàn giao đất phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

4. Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai; Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 28. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành**

1. Ban Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng tỉnh:

a) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tiến độ giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, của chủ đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt;

b) Kịp thời phát hiện và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án, đề nghị các Sở ngành, đơn vị có

liên quan giải quyết theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo giải quyết;

c) Định kỳ tổng hợp đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn tỉnh hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Chủ trì giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác định giá đất cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, giá giao đất ở tại nơi tái định cư theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm thẩm định nội dung bồi thường về đất; tổng hợp phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

3. Sở Tài Chính:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng và vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn giải quyết các vướng mắc của Ủy ban nhân dân cấp huyện về chính sách bồi thường, hỗ trợ cây trồng và vật nuôi là thủy sản;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong xác định, thẩm định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, giá giao đất ở tại nơi tái định cư theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm thẩm định nội dung bồi thường cây

trồng và vật nuôi là thủy sản, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các khoản hỗ trợ (không bao gồm hỗ trợ về tài sản là nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất).

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết vướng mắc trong xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại; vướng mắc trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người có đất thu hồi;

đ) Hướng dẫn việc phân bổ và kiểm tra việc thực hiện quyết toán sử dụng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành;

e) Công bố giá gạo tẻ thường định kỳ hàng tháng để làm cơ sở xác định mức hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 16 Quy định này.

4. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, mô tả khi Nhà nước thu hồi đất; quy định về cách xác định phân cấp nhà và các công trình xây dựng; cách tính bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, mô tả khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà, công trình xây dựng, mô tả;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ tài sản là nhà và các công trình xây dựng và mô tả gắn liền với đất.

d) Giải quyết các nội dung vướng mắc liên quan đến việc thu hồi, di dời nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước;

đ) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

Hướng dẫn việc lập và phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất nông nghiệp, thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ; các nội dung có liên quan đến đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và an sinh xã hội cho người bị thu hồi đất theo cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định; nhận phương án

đào tạo, chuyển đổi nghề của cấp huyện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn việc lập và thực hiện các dự án do Nhà nước thu hồi đất gắn với việc lập và xây dựng các khu tái định cư theo quy định;

b) Là đầu mối thẩm định các dự án đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

c) Tổng hợp nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Tham gia phối hợp với Sở Tài chính trong tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định.

7. Cục Thuế tỉnh:

a) Xác nhận mức thu nhập sau thuế hoặc chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện xác định mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Hướng dẫn giải quyết các vướng mắc liên quan đến nghĩa vụ thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Các Sở, Ngành khác:

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.

2. Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; ban hành thông báo thu hồi đất; ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền; Phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ công tác (nếu có).

4. Lập và thực hiện các dự án tái định cư theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

6. Ban hành các Quyết định: Kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện các Quyết định nêu trên theo quy định.

7. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc báo cáo đột xuất về kết quả, tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của các dự án trên địa bàn.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phổ biến, tuyên truyền chính sách pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và các đoàn thể thực hiện các bước trong quy trình thu hồi đất, lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Thẩm tra, xác nhận các hồ sơ liên quan theo Điểm c Khoản 3 Điều 26 Quy định này để làm căn cứ pháp lý lập phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã xác nhận.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 31. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đã được phê duyệt.

2. Lập, hoàn thiện và trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; tổ chức triển khai thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

3. Có trách nhiệm áp dụng đúng quy định các văn bản pháp luật, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của số liệu thống kê đất đai, tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản được bồi thường, hỗ trợ

hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư dự án hoặc quản lý quỹ đất đã giải phóng mặt bằng khi chưa có dự án.

6. Báo cáo, đề xuất kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Tổng hợp, gửi báo cáo theo định kỳ công tác giải phóng mặt bằng hàng tháng, quý, 06 tháng và hàng năm trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng tỉnh.

Điều 32. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án (*Đối với trường hợp xác định chủ đầu tư trước khi thu hồi đất, chủ đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư*)

1. Cung cấp các hồ sơ liên quan đến dự án, phối hợp với chính quyền địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xây dựng Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chuẩn bị quỹ đất tái định cư để di chuyển các hộ đến nơi ở mới trước khi thực hiện dự án.

4. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện.

Điều 33. Quyền, nghĩa vụ của người có đất thu hồi

1. Quyền của người có đất thu hồi:

a) Người có đất thu hồi có quyền đề nghị Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp, phổ biến các thông tin pháp lý về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như: Thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, giá đất, giá

tài sản áp dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, địa điểm bố trí tái định cư (nếu có);

b) Được hưởng các chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

c) Khiếu nại về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

d) Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất ở tái định cư đúng thời gian quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người có đất thu hồi:

a) Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách thu hồi đất theo quy định;

b) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kê khai, kiểm đếm tài sản; xác nhận kết quả kiểm đếm, diện tích đất đai, tài sản trên đất khi thực hiện kiểm đếm để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện xây dựng nhà, công trình theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền;

d) Nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hóa đơn, chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất thu hồi (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển cho cấp có thẩm quyền chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc thu hồi theo quy định.

đ) Bàn giao mặt bằng đúng kế hoạch cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Điều 34. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tính bằng 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án. Đối với các dự án thực hiện trên các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến thì tổ chức được giao thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập dự toán kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo khối lượng công việc thực tế, không

không chế mức trích 2%.

3. Mức chi cho công tác thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 0,15% so với giá trị bồi thường, hỗ trợ (bằng 7,5% so với tổng chi phí tổ chức thực hiện).

4. Việc sử dụng và thanh quyết toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng thì được khen thưởng theo quy định; Ban Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh đề xuất mức khen thưởng cụ thể để kịp thời động viên những tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc công tác này.

2. Người nào có hành vi vi phạm quy định công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày 01/7/2014 thì không áp dụng theo Quy định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà đang thực hiện chi trả trước ngày 01/7/2014 thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo Quy định này.

3. Đối với những dự án, hạng mục đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01/7/2014 chưa thực hiện chi trả thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì thực hiện phê duyệt lại theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ tính theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 thấp hơn giá trị bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt trước ngày 01/7/2014 thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt;

b) Trường hợp bồi thường chậm do người có đất thu hồi gây ra thì tiếp tục thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt;

c) Trường hợp người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiền

bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ cho việc giải quyết khiếu nại sau này (nếu có).

4. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014, đã tổ chức chi trả tiền nhưng người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai và Khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Dương Ngọc Long